

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Nhà ở; Hoạt động xây dựng; Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7922/TTr-SXD ngày 21 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 35 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực: Nhà ở; Hoạt động xây dựng; Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA UBND TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh	Nhà ở	Văn phòng UBND tỉnh
2.	Xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh	Nhà ở	Văn phòng UBND tỉnh
3.	Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh	Nhà ở	Văn phòng UBND tỉnh
4.	Điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh	Nhà ở	Văn phòng UBND tỉnh
5.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6.	Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7.	Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
8.	Thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
9.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm	Quy hoạch xây dựng,	Sở Xây dựng

	quyên phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	kiên trúc	
10.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
11.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
12.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
13.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
14.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
15.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
16.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
17.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
18.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch	Quy hoạch xây dựng,	Sở Xây dựng

	chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	kiến trúc	
19.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
20.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
21.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
22.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
23.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố
24.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố
25.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
26.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
27.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch	Quy hoạch xây dựng,	Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc

	chi tiết xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	kiến trúc	Ủy ban nhân dân cấp huyện.
28.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
29.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
30.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
31.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn ¹ (<i>không bao gồm quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh</i>) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
32.	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn ² (<i>không bao gồm quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh</i>) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
33.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định	Hoạt động xây dựng	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.

¹ Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 Luật Xây dựng năm 2014: “*quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm trung tâm xã, khu dân cư, khu chức năng khác trên địa bàn xã*”.

² Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 Luật Xây dựng năm 2014: “*quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm trung tâm xã, khu dân cư, khu chức năng khác trên địa bàn xã*”.

	đầu tư		
34.	Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư	Hoạt động xây dựng	Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.
35.	Thủ tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kiến trúc sư hạng II.	Viên chức	Sở Xây dựng; Sở Nội vụ.

PHẦN B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TTHC NỘI BỘ

Thủ tục 01: Xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa (số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh lập tờ trình đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt bao gồm đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để thực hiện.

- Bước 2: Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng chương trình phát triển nhà ở.

- Bước 3: Căn cứ nội dung phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trường hợp cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng chương trình phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng chương trình phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng chương trình phát triển nhà ở.

- Bước 4: Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo chương trình phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chức năng và tổ chức có liên quan của địa phương;

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh;

Thành phần hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm: Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, dự thảo chương trình phát triển nhà ở; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức; dự thảo Tờ trình của Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc phê duyệt chương trình phát triển nhà ở;

Nội dung trình Hội đồng nhân dân thông qua bao gồm: mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở; nhu cầu về nguồn vốn để phát triển nhà ở; dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (nếu có) và các giải pháp để thực hiện chương trình phát triển nhà ở.

- Bước 5: Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày gửi văn bản góp ý, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

- Bước 6: Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải ban hành quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và đăng tải chương trình này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh;
- Dự thảo chương trình phát triển nhà ở;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức;
- Dự thảo tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;
- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua chương trình phát triển nhà ở.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà ở

cấp tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo thuyết minh Chương trình phát triển nhà ở của địa phương.

8. Lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề cương xây dựng Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh (Mẫu số 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ);

- Dự toán kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh (Mẫu số 03 - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh bao gồm:

- Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia;
- Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;
- Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kết quả thực hiện chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh kỳ trước; hiện trạng nhà ở; nhu cầu về nhà ở trong giai đoạn xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh.

Trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ chương trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở kỳ tiếp theo.

11. Căn cứ pháp lý của hiện thủ tục hành chính:

- Khoản 1 Điều 26 của Luật Nhà ở;
- Điều 10 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có.

Mẫu số 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP

ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở CẤP TỈNH

CHƯƠNG I: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐỊA PHƯƠNG

- I. Đặc điểm tự nhiên (vị trí địa lý, địa hình, đất đai, khí hậu).
- II. Đặc điểm xã hội (phân bố dân cư, sự gia tăng dân số, lao động).
- III. Điều kiện kinh tế và xu hướng phát triển, chuyển dịch kinh tế.
- IV. Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia.
- V. Hệ thống quy hoạch trên địa bàn tỉnh (Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị).

CHƯƠNG II: HIỆN TRẠNG NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. Phân tích hiện trạng nhà ở trên địa bàn tỉnh

1. Hiện trạng về diện tích sàn xây dựng nhà ở và chất lượng nhà ở riêng lẻ, nhà chung cư tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn.
2. Hiện trạng diện tích sàn xây dựng từng loại hình nhà ở phát triển theo dự án.
3. Hiện trạng nhà ở theo chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công về nhà ở.
4. Hiện trạng nhà ở của cá nhân tự xây dựng.
5. Hiện trạng thị trường bất động sản phân khúc nhà ở.

II. Đánh giá chung về thực trạng nhà ở trên địa bàn tỉnh

1. Kết quả thực hiện chương trình phát triển nhà ở kỳ trước.
2. Đánh giá việc thực hiện chương trình phát triển nhà ở.
3. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc.
 - a) Mục tiêu chưa hoàn thành 1: Khó khăn, vướng mắc:...
 - b) Mục tiêu chưa hoàn thành 2: Khó khăn, vướng mắc:...
4. Nguyên nhân.

CHƯƠNG III. DỰ BÁO NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG CUNG ỨNG NHÀ Ở

I. Cơ sở dự báo nhu cầu nhà ở của tỉnh

1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
2. Cơ sở tính toán.
3. Dự báo phát triển đô thị trong kỳ chương trình.
4. Dự báo dân số trong kỳ chương trình.

II. Dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng diện tích sàn xây dựng nhà ở

1. Dự báo diện tích nhà ở bình quân đầu người, nhu cầu diện tích nhà ở tăng thêm, trong đó phân định nhu cầu diện tích nhà ở của từng nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.
2. Dự kiến diện tích sàn xây dựng nhà ở đã phát triển từ kỳ trước và sẽ hoàn thành, đưa vào sử dụng trong kỳ chương trình.
3. Nhu cầu diện tích sàn xây dựng nhà ở tăng thêm và sẽ hoàn thành, đưa vào sử dụng trong kỳ chương trình theo từng loại nhà phát triển theo dự án.

CHƯƠNG IV: MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở

I. Mục tiêu phát triển nhà ở

1. Mục tiêu tổng quát (phù hợp với mục tiêu của chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương).
2. Mục tiêu cụ thể (bao gồm các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 của Luật Nhà ở về mục tiêu của Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và các mục tiêu cụ thể khác căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương).

II. Chỉ tiêu phát triển nhà ở

1. Diện tích nhà ở bình quân đầu người.
2. Diện tích sàn nhà ở tối thiểu.
3. Chất lượng nhà ở tại đô thị và nông thôn.

III. Dự kiến nguồn lực phát triển nhà ở

1. Dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (nếu có).
2. Dự kiến diện tích sàn xây dựng nhà ở sẽ hoàn thành, đưa vào sử dụng theo từng loại hình nhà ở phát triển theo dự án.
3. Xác định danh mục các khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo dự án (trên cơ sở khu vực được định hướng phát triển khu dân cư hoặc đơn vị ở trong đồ án quy hoạch chung đô thị và khu vực được định hướng tổ chức không gian khu dân cư trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt).

Stt	Địa điểm	Khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo dự án trong quy hoạch chung được phê duyệt	
		Khu vực	Diện tích khu đất theo quy hoạch (ha)
1	Huyện.... Xã....	Vị trí, địa điểm xác định theo sơ đồ, bản đồ định hướng phát triển không gian trong đồ án quy hoạch	... ha
...

4. Nhu cầu về vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác để phát triển nhà ở phân theo từng kỳ kế hoạch.

V. Giải pháp thực hiện

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách về nhà ở.
2. Giải pháp về quy hoạch, quỹ đất.
3. Nâng cao năng lực phát triển nhà ở theo dự án.
4. Giải pháp phát triển nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia.
5. Giải pháp về nguồn vốn và thuế.
6. Giải pháp cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư.
7. Giải pháp phát triển thị trường bất động sản.
8. Các nhóm giải pháp khác.

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.
2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành.

Mẫu số 03 - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP

**DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN NHÀ Ở CẤP TỈNH**

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Chi phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở (C₁)				
I	Chi phí chuyên gia thực hiện các công việc (C_{cg})				
1	Chuẩn bị điều tra, khảo sát				
1.1	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu				
1.2	Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu				
1.3	Xây dựng biểu mẫu thu thập số liệu, dữ liệu, phiếu điều tra, ...				
1.4	Lập kế hoạch điều tra, khảo sát thực tế				
1.5	Các công việc khác có liên quan				
2	Khảo sát thực tế				
2.1	Khảo sát thực tế hiện trạng nhà ở				
2.2	Điều tra, khảo sát nhu cầu về nhà ở				
2.3	Khảo sát thực tế xác định các khu vực dự kiến phát triển nhà ở				
2.4	Các nội dung khảo sát thực tế khác có liên quan				
3	Thu thập bổ sung số liệu, dữ liệu				
4	Tổng hợp, xử lý số liệu, dữ liệu				
5	Xây dựng dự thảo chương trình				
5.1	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nhà ở				
5.2	Nghiên cứu phân tích hiện trạng nhà ở trên địa bàn				
5.3	Nghiên cứu đánh giá kết quả phát triển nhà ở				
5.4	Nghiên cứu dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nhà ở				

5.5	Nghiên cứu dự kiến diện tích đất ở theo dự án bao gồm: nhà ở xã hội; nhà ở cho đối tượng thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; nhà ở để phục vụ tái định cư; nhà công vụ của cơ quan trung ương, nhà công vụ của địa phương; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (nếu có)				
5.6	Nghiên cứu xác lập các mục tiêu phát triển nhà ở				
5.7	Nghiên cứu xác lập các chỉ tiêu phát triển nhà ở				
5.8	Nghiên cứu xác định nhu cầu về nguồn vốn để phát triển nhà ở				
5.9	Nghiên cứu đề xuất giải pháp thực hiện chương trình				
5.10	Nghiên cứu xác định danh mục khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo đơn vị hành chính cấp huyện				
5.11	Nghiên cứu đề xuất trách nhiệm của các cơ quan có liên quan và tổ chức thực hiện				
5.12	Các nghiên cứu khác có liên quan				
5.13	Tổng hợp, hoàn thiện nội dung dự thảo chương trình				
6	Báo cáo, tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa nội dung dự thảo chương trình				
7	Hoàn thiện sản phẩm				
II	Chi phí quản lý của đơn vị tư vấn (C_{ql})	C_{cg} x Tỷ lệ			
III	Chi phí khác (C_k)				
1	Chi phí khác phục vụ khảo sát				
1.1	Chi phí phụ cấp lưu trú				
1.2	Chi phí phòng nghỉ				
1.3	Chi phí đi lại				
1.4	Chi phí khác				
2	Chi phí khác phục vụ báo cáo				
2.1	Chi phí phụ cấp lưu trú				
2.2	Chi phí phòng nghỉ				
2.3	Chi phí đi lại				
2.4	Chi phí khác				

IV	Thu thập chịu thuế (TL)	$(C_{cg}+C_{ql}) \times \text{Tỷ lệ}$			
V	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	$(C_{cg}+C_{ql}+C_k+TL) \times \text{Tỷ lệ}$			
	TỔNG CỘNG C₁	C_{cg}+C_{ql}+C_k+TL+GTGT			
B	Chi phí quản lý nghiệp vụ (C₂)				
I	Chi phí cho chuyên gia, cán bộ kiêm nhiệm (C_{cg})				
II	Chi phí khác (C_k)				
1	Chi phí phụ cấp lưu trú				
2	Chi phí phòng nghỉ				
3	Chi phí đi lại				
4	Chi phí lựa chọn đơn vị tư vấn				
5	Chi phí khác				
III	Chi phí tổ chức các cuộc họp, hội nghị (C_{hn})				
	TỔNG CỘNG C₂	C_{cg}+C_k+C_{hn}			
TỔNG MỨC KINH PHÍ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở (C₁+C₂)					

Ghi chú: Trường hợp điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt thì căn cứ vào những nội dung điều chỉnh, các công việc phải thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định mức kinh phí điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở nhưng không vượt quá 60% kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở theo dự toán quy định tại Mẫu số 03.

Thủ tục 02: Xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa (số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt bao gồm các nội dung: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, tiến độ và phương thức tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có kinh nghiệm về việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để thực hiện;

Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cho 05 năm của đầu kỳ chương trình phát triển nhà ở thì trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chương trình phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải lập báo cáo đề xuất quy định tại điểm này gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt;

Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm tiếp theo của kỳ chương trình phát triển nhà ở thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ kế hoạch trước đó.

- Bước 2: Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

- Bước 3: Căn cứ phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trường hợp cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở; trường hợp trong kế hoạch có sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thì trong nội dung phải nêu cụ thể danh mục dự án có sử dụng vốn, số vốn cần bố trí, giai đoạn giải ngân trong kỳ kế hoạch để lấy ý kiến của cơ quan kế hoạch và

đầu tư cấp tỉnh.

- Bước 4: Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c khoản này;

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

- Bước 5: Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phối hợp cùng đơn vị tư vấn (nếu có) hoàn thiện nội dung dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt.

- Bước 6: Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở;

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đăng tải công khai kế hoạch phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh;
- Dự thảo kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức;
- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo thuyết minh Kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

8. Lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề cương xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh (Mẫu số 02 - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ).

- Dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh (Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh bao gồm:

- Chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh;
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh kỳ trước; hiện trạng nhà ở; nhu cầu về nhà ở trong giai đoạn xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

Trước ngày 31 tháng 12 của năm cuối kỳ kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cho kỳ tiếp theo.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 26 của Luật Nhà ở;
- Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có.

Đề cương xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh
(Mẫu số 02 - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP)

CHƯƠNG I: HIỆN TRẠNG NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. Phân tích hiện trạng nhà ở trên địa bàn tỉnh

1. Hiện trạng về diện tích sàn xây dựng nhà ở và chất lượng nhà ở riêng lẻ, nhà chung cư tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn.
2. Hiện trạng diện tích sàn xây dựng các loại hình nhà ở phát triển theo dự án.
3. Hiện trạng nhà ở theo kế hoạch mục tiêu quốc gia, kế hoạch đầu tư công về nhà ở.
4. Hiện trạng nhà ở của cá nhân tự xây dựng.
5. Hiện trạng thị trường bất động sản phân khúc nhà ở.
6. Nhu cầu, khả năng cung cấp số lượng nhà ở trong kỳ kế hoạch.

II. Đánh giá chung về thực trạng nhà ở trên địa bàn tỉnh

1. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở kỳ trước.
2. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch.
3. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc.
4. Nguyên nhân.

CHƯƠNG II: CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở

I. Cơ sở xác định chỉ tiêu phát triển nhà ở

1. Dự kiến diện tích sàn các loại nhà ở hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với các loại hình nhà ở (bao gồm nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, nhà ở theo chương trình mục tiêu quốc gia, nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công), số lượng các loại nhà ở của các dự án đầu tư xây dựng nhà ở dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.
2. Dự kiến thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án, tiến độ thực hiện dự án trên cơ sở đánh giá hiện trạng nhà ở, khả năng cân đối cung - cầu về nhà ở, tốc độ đô thị hóa, khả năng đáp ứng yêu cầu hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội tại khu vực dự kiến thực hiện dự án, tại thời điểm xây dựng kế hoạch.

II. Chỉ tiêu phát triển nhà ở

1. Chỉ tiêu diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người.

2. Chỉ tiêu diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với từng loại hình hình dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

3. Chỉ tiêu nhà ở hoàn thành đưa vào sử dụng theo chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Chỉ tiêu về chất lượng nhà ở tại đô thị và nông thôn trên địa bàn.

III. Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (nếu có)

1. Danh mục, địa điểm nhà chung cư, khu chung cư cần thực hiện cải tạo, xây dựng lại.

2. Thời gian phá dỡ đối với nhà chung cư phải phá dỡ.

3. Dự kiến nguồn vốn để thực hiện cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, khu chung cư trên địa bàn.

IV. Nhu cầu nguồn vốn phát triển nhà ở

1. Vốn ngân sách trung ương (nếu có).

2. Vốn ngân sách địa phương.

3. Vốn xã hội hóa.

CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

I. Giải pháp thực hiện

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách về nhà ở.

2. Nhóm giải pháp về quy hoạch, phát triển quỹ đất.

3. Nâng cao năng lực phát triển nhà ở theo dự án.

4. Giải pháp phát triển nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương.

5. Nhóm giải pháp về nguồn vốn và thuế.

6. Nhóm giải pháp phát triển thị trường bất động sản.

7. Giải pháp cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư.

8. Các nhóm giải pháp khác.

II. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành.

Dự toán kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh
(*Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP*)

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Chi phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở (C₁)				
I	Chi phí chuyên gia thực hiện các công việc (C_{cg})				
1	Chuẩn bị điều tra, khảo sát				
1.1	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu				
1.2	Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu				
1.3	Xây dựng biểu mẫu thu thập số liệu, dữ liệu, phiếu điều tra, ...				
1.4	Lập kế hoạch điều tra, khảo sát thực tế				
1.5	Các công việc khác có liên quan				
2	Khảo sát thực tế				
2.1	Khảo sát thực tế hiện trạng nhà ở				
2.2	Điều tra, khảo sát nhu cầu về nhà ở				
2.3	Khảo sát thực tế, lập danh mục dự án phát triển nhà ở đang triển khai, xác định tiến độ, khả năng hoàn thành				
2.4	Khảo sát thực tế, lập danh mục khu vực dự kiến phát triển nhà ở trong kỳ kế hoạch				
2.5	Khảo sát thực tế nhà chung cư cần lập kế hoạch cải tạo, xây dựng lại (trường hợp có tích hợp kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư)				
2.6	Các nội dung khảo sát thực tế khác có liên quan				
3	Thu thập bổ sung số liệu, dữ liệu				
4	Tổng hợp, xử lý số liệu, dữ liệu				
5	Xây dựng dự thảo kế hoạch				
5.1	Nghiên cứu phân tích hiện trạng nhà ở trên địa bàn				
5.2	Nghiên cứu đánh giá chung về thực trạng nhà ở				
5.3	Nghiên cứu xác định nhu cầu và khả năng				

	cung ứng nhà ở trong kỳ kế hoạch				
5.4	Nghiên cứu xác định các chỉ tiêu phát triển nhà ở				
5.5	Nghiên cứu xác định nhu cầu về nguồn vốn để phát triển nhà ở				
5.6	Nghiên cứu đề xuất giải pháp thực hiện kế hoạch				
5.7	Nghiên cứu xác định thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án, tiến độ thực hiện dự án				
5.8	Nghiên cứu đề xuất kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (trường hợp có tích hợp kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư)				
5.9	Nghiên cứu đề xuất trách nhiệm của các cơ quan có liên quan và tổ chức thực hiện				
5.10	Các nghiên cứu khác có liên quan				
5.11	Tổng hợp, hoàn thiện nội dung dự thảo kế hoạch				
6	Báo cáo, tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa nội dung dự thảo kế hoạch				
7	Hoàn thiện sản phẩm				
II	Chi phí quản lý của đơn vị tư vấn (C_{ql})	C_{cg} x Tỷ lệ			
III	Chi phí khác (C_k)				
1	Chi phí khác phục vụ khảo sát				
1.1	Chi phí phụ cấp lưu trú				
1.2	Chi phí phòng nghỉ				
1.3	Chi phí đi lại				
1.4	Chi phí khác				
2	Chi phí khác phục vụ báo cáo				
2.1	Chi phí phụ cấp lưu trú				
2.2	Chi phí phòng nghỉ				
2.3	Chi phí đi lại				
2.4	Chi phí khác				
IV	Thu thập chịu thuế (TL)	(C_{cg}+C_{ql})xTỷ lệ			
V	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	(C_{cg}+C_{ql}+C_k+TL)xTỷ lệ			
	TỔNG CỘNG C₁	(C_{cg}+C_{ql}+C_k+TL+GTGT			

B	Chi phí quản lý nghiệp vụ (C_2)				
I	Chi phí cho chuyên gia, cán bộ kiêm nhiệm (C_{cg})				
II	Chi phí khác (C_k)				
1	Chi phí phụ cấp lưu trú				
2	Chi phí phòng nghỉ				
3	Chi phí đi lại				
4	Chi phí lựa chọn đơn vị tư vấn				
5	Chi phí khác				
III	Chi phí tổ chức các cuộc họp, hội nghị (C_{hn})				
	TỔNG CỘNG C_2	$C_{cg}+C_k+C_{hn}$			
TỔNG MỨC KINH PHÍ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở (C_1+C_2)					

Ghi chú: Trường hợp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt thì căn cứ vào những nội dung điều chỉnh, các công việc phải thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định mức kinh phí điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở nhưng không vượt quá 60% kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở theo dự toán quy định tại Mẫu số 04.

Thủ tục 03: Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa (số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh lập tờ trình đề xuất điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt bao gồm các nội dung: đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, tiến độ và dự kiến đơn vị, cơ quan xây dựng chương trình điều chỉnh;

- Bước 2: Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

- Bước 3: Căn cứ nội dung phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trường hợp cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trong quá trình xây dựng điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

- Bước 4: Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chức năng và tổ chức có liên quan của địa phương;

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến

của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh;

Thành phần hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm: tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, dự thảo tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở;

Nội dung trình Hội đồng nhân dân thông qua bao gồm: mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở; nhu cầu về nguồn vốn để phát triển nhà ở; dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở công vụ, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (nếu có) và các giải pháp để thực hiện chương trình phát triển nhà ở.

- Bước 5: Trong thời hạn tối đa 45 ngày, kể từ ngày gửi văn bản góp ý, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

- Bước 6: Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở, trong thời gian tối đa 15 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và đăng tải chương trình này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi chương trình về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh;
- Dự thảo điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức;

- Dự thảo tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo thuyết minh điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh.

8. Lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Việc điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh được thực hiện khi có thay đổi một trong các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ hoặc h khoản 1 Điều 27 của Luật Nhà ở do điều chỉnh quy hoạch tỉnh hoặc do phê duyệt quy hoạch tỉnh trong giai đoạn mới hoặc do thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Thời gian xây dựng, phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tối đa là 12 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở;

Trường hợp các địa phương đã phê duyệt chương trình phát triển nhà ở mà trong chương trình chưa có chỉ tiêu về phát triển nhà ở cho lực lượng vũ

trang nhân dân hoặc đã có chỉ tiêu cho các đối tượng này nhưng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh các chỉ tiêu này trong chương trình phát triển nhà ở; việc bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu này chỉ thực hiện một lần trong cả giai đoạn chương trình đã phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 1 Điều 28 của Luật Nhà ở;
- Điều 10 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 04: Điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa (số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sau khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt bao gồm các nội dung: kế hoạch thực hiện, đề cương chi tiết, dự toán kinh phí điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở; trong đó nêu rõ sự cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở;

- Bước 2: Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt đề xuất xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

- Bước 3: Căn cứ phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trường hợp cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh trực tiếp thực hiện thì phải tổ chức triển khai xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở theo tiến độ đã được phê duyệt; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thực hiện thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Trong quá trình xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan của địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, đơn vị tư vấn để tổ chức khảo sát; tổng hợp, cung cấp số liệu; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở; trường hợp trong kế hoạch có sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thì trong nội dung phải nêu cụ thể danh mục dự án có sử dụng vốn, số vốn cần bố trí, giai đoạn giải ngân trong kỳ kế hoạch để lấy ý kiến của cơ quan kế hoạch và đầu tư cấp tỉnh.

- Bước 4: Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c khoản này;

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

- Bước 5: Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản

góp ý, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phối hợp cùng đơn vị tư vấn (nếu có) hoàn thiện nội dung dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở, lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt.

- Bước 6: Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở;

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đăng tải công khai kế hoạch phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan này và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi việc thực hiện.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh;
- Dự thảo điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức;
- Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo thuyết minh điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở

cấp tỉnh.

8. Lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Căn cứ xây dựng điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh bao gồm:
 - + Có điều chỉnh nội dung chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt;
 - + Có điều chỉnh nội dung liên quan đến nhà ở trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh đã được quyết định;
 - + Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 65 của Luật Nhà ở nếu kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được xây dựng, phê duyệt chung với kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh.

- Thời gian xây dựng, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh tối đa là 06 tháng, kể từ khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở.

Trường hợp trong nội dung kế hoạch phát triển nhà ở điều chỉnh có điều chỉnh tăng vốn đầu tư công để phát triển nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định điều chỉnh vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công trước khi điều chỉnh kế hoạch.

Trường hợp sau khi địa phương đã bổ sung các chỉ tiêu phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang vào chương trình phát triển nhà ở nhưng chưa có các chỉ tiêu này trong kế hoạch thì Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ sung chỉ tiêu này vào kế hoạch phát triển nhà ở; việc điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu này chỉ thực hiện một lần trong cả kỳ kế hoạch phát triển nhà ở đã phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 3 Điều 28 của Luật Nhà ở;
- Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 05: Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Cụ thể:

- Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);

- Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án do Sở Xây dựng thẩm định);

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Sở Công Thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án do Sở Xây dựng thẩm định).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình gửi Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định, thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

- + Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định hoặc trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định; Đối với các hồ sơ gửi qua đường bưu điện thuộc các trường hợp trả lại hồ sơ, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

+ Theo yêu cầu riêng của từng dự án, người đề nghị thẩm định phải thực hiện các thủ tục, yêu cầu theo quy định của pháp luật có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án, trình cơ quan chủ trì thẩm định làm cơ sở xem xét, thẩm định, gồm: Văn bản thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có); Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có); Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; Kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Đối với các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chủ trì thẩm định trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc.

- Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày (kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định) thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm định được yêu cầu người đề nghị thẩm định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định.

- Trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan chủ trì thẩm định ra thông báo kết quả thẩm định.

+ Kết quả thẩm định phải có đánh giá, kết luận về mức đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định quy định tại khoản 3, Điều 57, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14, Điều 1, Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; các yêu cầu đối với người đề nghị thẩm định, người quyết định đầu tư. Kết quả thẩm định được đồng thời gửi cơ quan quản lý xây dựng ở địa phương để biết và quản lý.

+ Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định thực hiện theo quy định tại Mẫu số 02a Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có);

b) Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có);

c) Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

d) Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

đ) Kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3.2. Số lượng: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Cơ quan phối hợp : Cơ quan, đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Thực hiện theo thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định tham khảo theo quy định tại Mẫu số 02a Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

*Mẫu số 02a. Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế
- kỹ thuật đầu tư xây dựng*

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỐ:....

....., ngày... tháng.... năm....

V/v thông báo kết quả thẩm
định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
đầu tư xây dựng... (tên dự án)

Kính gửi: (Tên đơn vị đề nghị thẩm định).

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng... năm ... của ... đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, *(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định)* thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được gửi kèm theo văn bản yêu cầu thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.
2. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực.
5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn xây dựng.
6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.
8. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).
9. Đối với trường hợp yêu cầu phải thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định, cơ quan/đơn vị được giao thẩm định kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về

đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế (*trường hợp này cơ quan/đơn vị được giao thẩm định không thực hiện trực tiếp nội dung quy định tại khoản 5 và khoản 6 của mục này*).

V. KẾT LUẬN

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (*Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định*) về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*). Đề nghị đơn vị đề nghị thẩm định nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- ...;
- Lưu:...

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH
(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Ghi chú: Mẫu số 02a sử dụng để tham khảo cho việc thẩm định của Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 12 Nghị định này.

Thủ tục 06: Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Cụ thể:

- Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);

- Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án do Sở Xây dựng thẩm định);

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Sở Công Thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án do Sở Xây dựng thẩm định).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Đối với trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư: Sau khi có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, chủ đầu tư thực hiện quy trình thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật như sau:

- + Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư xây dựng vượt quá 10% mức quy định được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thì phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh. Quy trình thẩm định điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

- + Trường hợp điều chỉnh không làm tăng tổng mức đầu tư hoặc điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư xây dựng dưới 10% mức quy định được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, việc thẩm định điều chỉnh Báo cáo

kinh tế - kỹ thuật thực hiện như đối với thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. Trong đó hồ sơ điều chỉnh bổ sung thêm lý do điều chỉnh và kèm theo hồ sơ trước điều chỉnh, bổ sung để phục vụ đối chiếu theo quy định.

- Đối với trường hợp không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, việc điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được quy định như sau:

+ Đối với các trường hợp điều chỉnh dự án có thay đổi một trong các nội dung về: mục tiêu, quy mô sử dụng đất, quy mô đầu tư xây dựng; chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc của dự án tại quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác; giải pháp bố trí các công năng chính trong công trình dẫn đến yêu cầu phải đánh giá lại về giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn xây dựng, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của dự án; quy trình điều chỉnh thực hiện như sau: Chủ đầu tư có tờ trình gửi cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh; Cơ quan chủ trì thẩm định xem xét nội dung điều chỉnh, trường hợp nội dung điều chỉnh phù hợp, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh; Người quyết định đầu tư ban hành văn bản cho chủ trương điều chỉnh; Chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, trình cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, tổ chức thẩm định; Cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy trình thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện như đối với thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng); Người quyết định đầu tư ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

+ Đối với các trường hợp chỉ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và không làm thay đổi các nội dung quy định tại điểm a khoản này, quy trình điều chỉnh thực hiện như sau: Chủ đầu tư có tờ trình gửi cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh; Cơ quan chủ trì thẩm định xem xét nội dung điều chỉnh, trường hợp nội dung điều chỉnh phù hợp, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh; Người quyết định đầu tư ban hành văn bản cho chủ trương điều chỉnh; Chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, tự tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh và chịu trách nhiệm đối với nội dung thực hiện.

Trường hợp khi điều chỉnh, bổ sung thiết kế xây dựng có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình: chủ đầu tư có trách nhiệm trình cơ quan chủ trì thẩm định đối với các

nội dung điều chỉnh trước khi phê duyệt điều chỉnh. Quy trình thẩm định được thực hiện như đối với thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. Trong đó hồ sơ điều chỉnh bổ sung thêm lý do điều chỉnh và kèm theo hồ sơ trước điều chỉnh, bổ sung để phục vụ đối chiếu theo quy định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có);

b) Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có);

c) Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

d) Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

đ) Kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3.2. Số lượng: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Cơ quan phối hợp : Cơ quan, đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Thực hiện theo thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định tham khảo theo quy định tại Mẫu số 02a Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

*Mẫu số 02a. Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế
- kỹ thuật đầu tư xây dựng*

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
V/v thông báo kết quả thẩm
định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
đầu tư xây dựng... (tên dự án)

....., ngày... tháng năm

Kính gửi: (Tên đơn vị đề nghị thẩm định).

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng... năm ... của ... đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được gửi kèm theo văn bản yêu cầu thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.
2. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực.
5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn xây dựng.
6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.
8. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).
9. Đối với trường hợp yêu cầu phải thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định, cơ quan/đơn vị được giao thẩm định kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về

đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế (*trường hợp này cơ quan/đơn vị được giao thẩm định không thực hiện trực tiếp nội dung quy định tại khoản 5 và khoản 6 của mục này*).

V. KẾT LUẬN

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (*Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định*) về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*). Đề nghị đơn vị đề nghị thẩm định nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:...

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH
(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Ghi chú: Mẫu số 02a sử dụng để tham khảo cho việc thẩm định của Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 12 Nghị định này.

Thủ tục 07: Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế đô thị trình Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Căn cứ vào ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, nội dung nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng, Sở Xây dựng có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng. Sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng hoàn chỉnh, Sở Xây dựng báo cáo nội dung thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.
- Thuyết minh nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.
- Thành phần bản vẽ nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng gồm:
 - + Sơ đồ vị trí khu vực thiết kế đô thị trích từ quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung đô thị;
 - + Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập thiết kế đô thị riêng.
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.
- Ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định³: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính⁴: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch⁵

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về bổ sung sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

³ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

⁴ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

⁵ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Thủ tục 08: Thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập đồ án thiết kế đô thị riêng trình Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Căn cứ vào ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, nội dung đồ án thiết kế đô thị riêng, có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh đồ án thiết kế đô thị riêng. Sau khi nhận được hồ sơ đồ án thiết kế đô thị riêng hoàn chỉnh, Sở Xây dựng báo cáo nội dung thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ⁶:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án thiết kế đô thị riêng.

- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.

- Thuyết minh đồ án thiết kế đô thị riêng

- Thành phần bản vẽ đồ án thiết kế đô thị riêng gồm:

+ Sơ đồ vị trí, mối liên hệ khu vực thiết kế với đô thị (trong đó xác định vị trí ranh giới khu vực thiết kế và giới hạn các vùng ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan khu vực).

+ Các bản vẽ mặt bằng hiện trạng (có phân tích đánh giá) thể hiện theo tỷ lệ 1/500 - 1/200 dựa trên cơ sở bản đồ địa hình có tỷ lệ tương ứng.

⁶ Theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.

+ Các bản vẽ chi tiết (mặt bằng tổng thể, mặt đứng, phối cảnh minh họa) tỷ lệ 1/500 - 1/200. Trong trường hợp cần làm rõ kiến trúc một số công trình tiêu biểu, đặc trưng, điểm nhấn tại những khu vực cụ thể thì tỷ lệ bản vẽ 1/200 - 1/100.

+ Bản vẽ quy định về kỹ thuật hạ tầng (mặt cắt cốt đường, cốt xây dựng nền đường, cốt xây dựng vỉa hè, các trang thiết bị đường phố và các công trình tiện ích khác trong đô thị) thể hiện tỷ lệ 1/500.

- Phần mô hình: Mô hình thực hiện với tỷ lệ 1/500, vật liệu làm mô hình phù hợp ý tưởng Thiết kế đô thị. Trường hợp cần thiết phải làm rõ những khu vực có công trình, điểm nhấn, ý tưởng chính của đồ án thì mô hình thực hiện với tỷ lệ 1/200.

- Quy định quản lý theo đồ án thiết kế đô thị riêng.
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng.
- Địa CD lưu toàn bộ hồ sơ đồ án thiết kế đô thị riêng.
- Ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về đồ án thiết kế đô thị riêng.
- Hồ sơ về điều kiện năng lực của đơn vị tư vấn lập thiết kế đô thị riêng.
- Các văn bản pháp lý có liên quan

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập đồ án thiết kế đô thị riêng.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định⁷: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính⁸: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

⁷ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

⁸ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch⁹.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về bổ sung sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

⁹ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Thủ tục 09: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện¹⁰.

- Trong quá trình thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan¹¹.

- Kết quả thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện sẽ được Sở Xây dựng gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân huyện để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung nhiệm vụ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện¹².

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹³:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;

- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ;

¹⁰ Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

¹¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

¹² Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹³ Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹⁴: Thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹⁵: Ủy ban nhân dân huyện.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹⁶: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹⁷: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch¹⁸.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

¹⁴ Theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2019.

¹⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Xây dựng năm 2014.

¹⁶ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014.

¹⁷ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

¹⁸ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 10: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện¹⁹; Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định trước khi được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt²⁰.

- Trong quá trình thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan²¹;

- Kết quả thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện sẽ được Sở Xây dựng gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân huyện để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung đồ án trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện²².

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ²³:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

¹⁹ Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²⁰ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

²¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²² Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

²³ Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết²⁴: thời gian thẩm định đồ án quy hoạch không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính²⁵: Ủy ban nhân dân huyện.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định²⁶: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính²⁷: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch²⁸.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;

²⁴ Theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2019.

²⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Xây dựng năm 2014.

²⁶ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014.

²⁷ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

²⁸ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 11: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng²⁹.

- Trong quá trình thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan³⁰; Kết quả thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu chức năng sẽ được Sở Xây dựng gửi bằng văn bản đến Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung nhiệm vụ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng³¹.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ³²:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;

²⁹ Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

³⁰ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

³¹ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

³² Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết³³: thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính³⁴: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định³⁵: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính³⁶: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch³⁷.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

³³ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

³⁴ Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014.

³⁵ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014.

³⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

³⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 12: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng³⁸.

- Trong quá trình thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan³⁹; Kết quả thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu chức năng sẽ được Sở Xây dựng gửi bằng văn bản đến Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung đồ án trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng⁴⁰; Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trước khi phê duyệt⁴¹. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt đối với các đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng⁴².

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

³⁸ Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

³⁹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁴⁰ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

⁴¹ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

⁴² Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ⁴³:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết⁴⁴: Thời gian thẩm định đồ án quy hoạch không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính⁴⁵: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định⁴⁶: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính⁴⁷: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch⁴⁸.

⁴³ Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁴⁴ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

⁴⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014.

⁴⁶ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014.

⁴⁷ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

⁴⁸ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 13: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng⁴⁹.

- Trong quá trình thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan⁵⁰; Kết quả thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng sẽ được Sở Xây dựng gửi bằng văn bản đến Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung nhiệm vụ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng⁵¹.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ⁵²:

⁴⁹ Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁵⁰ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁵¹ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

⁵² Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết⁵³: thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính⁵⁴: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định⁵⁵: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính⁵⁶: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch⁵⁷.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;

⁵³ Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

⁵⁴ Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014.

⁵⁵ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014.

⁵⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

⁵⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 14: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng⁵⁸.

- Trong quá trình thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan⁵⁹; Kết quả thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng sẽ được Sở Xây dựng gửi bằng văn bản đến Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung đồ án trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng⁶⁰; Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trước khi phê duyệt⁶¹. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt đối với các đồ án đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng có quy mô trên 200 ha⁶².

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

⁵⁸ Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁵⁹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁶⁰ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

⁶¹ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

⁶² Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ⁶³:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết⁶⁴: thời gian thẩm định đồ án quy hoạch không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính⁶⁵: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định⁶⁶: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính⁶⁷: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch⁶⁸.

⁶³ Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁶⁴ Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

⁶⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014.

⁶⁶ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014.

⁶⁷ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

⁶⁸ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 15: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng⁶⁹.

- Trong quá trình thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan⁷⁰.

- Kết quả thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng sẽ được Sở Xây dựng gửi bằng văn bản đến Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung nhiệm vụ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng⁷¹.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ⁷²:

⁶⁹ Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁷⁰ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁷¹ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

⁷² Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết⁷³: thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính⁷⁴: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, UBND cấp huyện.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định⁷⁵: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính⁷⁶: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch⁷⁷.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

⁷³ Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

⁷⁴ Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014,

⁷⁵ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014.

⁷⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

⁷⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 16: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng⁷⁸.

- Trong quá trình thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan⁷⁹; Kết quả thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng sẽ được Sở Xây dựng gửi bằng văn bản đến Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung đồ án trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng⁸⁰.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ⁸¹:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

⁷⁸ Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁷⁹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

⁸⁰ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

⁸¹ Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết⁸²: thời gian thẩm định đồ án quy hoạch không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính⁸³: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định⁸⁴: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính⁸⁵: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch⁸⁶.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;

⁸² Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

⁸³ Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014.

⁸⁴ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014.

⁸⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

⁸⁶ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 17: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3 Trình tự thực hiện⁸⁷:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch trình Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị.

- Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị; Trong quá trình thẩm định, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, nội dung nhiệm vụ quy hoạch, có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị.

- Sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch đô thị hoàn chỉnh, Sở Xây dựng báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ⁸⁸:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

⁸⁷ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

⁸⁸ Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

4. Thời hạn giải quyết⁸⁹: thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính⁹⁰: UBND cấp huyện.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định⁹¹: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính⁹²: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch⁹³.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên

⁸⁹ Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

⁹⁰ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

⁹¹ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

⁹² Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

⁹³ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 18: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3 Trình tự thực hiện⁹⁴:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch trình Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị. (Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, thị trấn có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quy hoạch chung thành phố, thị xã, thị trấn trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch này. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, thị trấn trong việc báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quy hoạch chung đô thị của thành phố, thị xã, thị trấn.)⁹⁵

- Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị; Trong quá trình thẩm định, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định, nội dung đồ án quy hoạch, có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh đồ án quy hoạch chung đô thị.

- Sau khi nhận được hồ sơ đồ án quy hoạch chung đô thị hoàn chỉnh, Sở Xây dựng báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Đối với đồ án quy hoạch chung đô thị từ loại IV trở lên và đô thị mới, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng bằng văn bản trước khi phê duyệt⁹⁶.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

⁹⁴ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

⁹⁵ Theo quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

⁹⁶ Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

3.1. Thành phần hồ sơ⁹⁷:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Các phụ lục tính toán kèm theo;
- Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết⁹⁸: thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính⁹⁹: UBND cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹⁰⁰: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹⁰¹: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch¹⁰².

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

⁹⁷ Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

⁹⁸ Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

⁹⁹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹⁰⁰ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹⁰¹ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁰² Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 19: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện¹⁰³:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch trình Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

- Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; Trong quá trình thẩm định, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, nội dung nhiệm vụ quy hoạch, có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

- Sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoàn chỉnh, Sở Xây dựng báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹⁰⁴:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

¹⁰³ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

¹⁰⁴ Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

4. Thời hạn giải quyết¹⁰⁵: Thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹⁰⁶: UBND thành phố, thị xã, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹⁰⁷: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹⁰⁸: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch¹⁰⁹.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên

¹⁰⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

¹⁰⁶ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹⁰⁷ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹⁰⁸ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁰⁹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 20: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện¹¹⁰:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch trình Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch.

- Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch; Trong quá trình thẩm định, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định, nội dung đồ án quy hoạch, có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh đồ án quy hoạch.

- Sau khi nhận được hồ sơ đồ án quy hoạch hoàn chỉnh, Sở Xây dựng báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹¹¹:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Các phụ lục tính toán kèm theo;
- Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

¹¹⁰ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

¹¹¹ Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹¹²: Thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹¹³: UBND thành phố, thị xã, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹¹⁴: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹¹⁵: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch¹¹⁶.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập,

¹¹² Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

¹¹³ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹¹⁴ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹¹⁵ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹¹⁶ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 21: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1.3. Trình tự thực hiện¹¹⁷:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch trình Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

- Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ nhiệm vụ quy hoạch thị; Trong quá trình thẩm định, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, nội dung nhiệm vụ quy hoạch, có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

- Sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoàn chỉnh, Sở Xây dựng báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹¹⁸:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

¹¹⁷ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

¹¹⁸ Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

4. Thời hạn giải quyết¹¹⁹: Thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹²⁰: UBND cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹²¹: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹²²: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch¹²³.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên

¹¹⁹ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

¹²⁰ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹²¹ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹²² Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹²³ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 22: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng Thanh Hóa (Số 36, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

1. . Trình tự thực hiện¹²⁴:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch trình Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch.

- Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch; Trong quá trình thẩm định, Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định, nội dung đồ án quy hoạch, có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh đồ án quy hoạch.

- Sau khi nhận được hồ sơ đồ án quy hoạch hoàn chỉnh, Sở Xây dựng báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹²⁵:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Các phụ lục tính toán kèm theo;
- Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

¹²⁴ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

¹²⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹²⁶: thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹²⁷: UBND cấp huyện, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹²⁸: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹²⁹: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch¹³⁰.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

¹²⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

¹²⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹²⁸ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹²⁹ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹³⁰ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 23: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân các thị xã, thành phố.

1.3. Trình tự thực hiện¹³¹:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch¹³² trình Phòng Quản lý đô thị¹³³ thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

- Phòng Quản lý đô thị thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; Trong quá trình thẩm định, Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, nội dung nhiệm vụ quy hoạch, có văn bản gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

- Sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoàn chỉnh, Phòng Quản lý đô thị báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng¹³⁴.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹³⁵:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Bản vẽ in màu thu nhỏ;

¹³¹ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

¹³² Cơ quan được Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố giao tổ chức lập quy hoạch.

¹³³ Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố.

¹³⁴ Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹³⁵ Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹³⁶: thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹³⁷: Cơ quan được Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹³⁸: Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố; Phòng Quản lý đô thị.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹³⁹: Phòng Quản lý đô thị.

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Phòng Quản lý đô thị, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch¹⁴⁰.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập,

¹³⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

¹³⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹³⁸ Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹³⁹ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁴⁰ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 24: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố

1. Trình tự thực hiện:

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố.

1.3. Trình tự thực hiện¹⁴¹:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch¹⁴² trình Phòng Quản lý đô thị¹⁴³ thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch.

- Phòng Quản lý đô thị thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch; Trong quá trình thẩm định, Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định, nội dung đồ án quy hoạch, có văn bản gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh đồ án quy hoạch.

- Sau khi nhận được hồ sơ đồ án quy hoạch hoàn chỉnh, Phòng Quản lý đô thị báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, phê duyệt đồ án quy hoạch, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng¹⁴⁴.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹⁴⁵:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

¹⁴¹ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

¹⁴² Cơ quan được Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố giao tổ chức lập quy hoạch.

¹⁴³ Thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố.

¹⁴⁴ Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁴⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Các phụ lục tính toán kèm theo;
- Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹⁴⁶: Thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹⁴⁷: Cơ quan được Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹⁴⁸: Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố; Phòng Quản lý đô thị.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹⁴⁹: Phòng Quản lý đô thị.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Phòng Quản lý đô thị, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch¹⁵⁰.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

¹⁴⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

¹⁴⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹⁴⁸ Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁴⁹ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁵⁰ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 25: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3. Trình tự thực hiện¹⁵¹:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch¹⁵² trình Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện¹⁵³ thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

- Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; Trong quá trình thẩm định, Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, nội dung nhiệm vụ quy hoạch, có văn bản gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

- Sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch hoàn chỉnh, Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng¹⁵⁴.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹⁵⁵:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

¹⁵¹ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

¹⁵² Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao tổ chức lập quy hoạch.

¹⁵³ Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND thị xã, thành phố hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND huyện.

¹⁵⁴ Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁵⁵ Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹⁵⁶: thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹⁵⁷: Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹⁵⁸: Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹⁵⁹: Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch¹⁶⁰.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

¹⁵⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

¹⁵⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹⁵⁸ Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁵⁹ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁶⁰ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 26: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. . Trình tự thực hiện¹⁶¹:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch¹⁶² trình Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện¹⁶³ thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đồ án quy hoạch.

- Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đồ án quy hoạch; Trong quá trình thẩm định, Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện có trách nhiệm lấy ý kiến và căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định, nội dung đồ án quy hoạch, có văn bản gửi Cơ quan tổ chức lập quy hoạch để hoàn chỉnh đồ án quy hoạch.

- Sau khi nhận được hồ sơ đồ án quy hoạch hoàn chỉnh, Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện báo cáo nội dung thẩm định với Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, phê duyệt đồ án quy hoạch, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng¹⁶⁴.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹⁶⁵:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

¹⁶¹ Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

¹⁶² Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao tổ chức lập quy hoạch

¹⁶³ Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND thị xã, thành phố hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND huyện.

¹⁶⁴ Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁶⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Các phụ lục tính toán kèm theo;
- Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹⁶⁶: thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹⁶⁷: Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹⁶⁸: Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹⁶⁹: Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch¹⁷⁰.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

¹⁶⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

¹⁶⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

¹⁶⁸ Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁶⁹ Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

¹⁷⁰ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 27: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3 Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch¹⁷¹ có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng¹⁷².

- Trong quá trình thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện¹⁷³ có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan¹⁷⁴.

- Kết quả thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng sẽ được Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi bằng văn bản đến Cơ quan tổ chức lập quy hoạch để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung nhiệm vụ trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng¹⁷⁵.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹⁷⁶:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;

¹⁷¹ Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao tổ chức lập quy hoạch.

¹⁷² Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

¹⁷³ Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND huyện.

¹⁷⁴ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

¹⁷⁵ Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

¹⁷⁶ Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹⁷⁷: thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹⁷⁸: Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹⁷⁹: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹⁸⁰: Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch¹⁸¹.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

¹⁷⁷ Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

¹⁷⁸ Theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014,

¹⁷⁹ Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

¹⁸⁰ Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

¹⁸¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 28: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3 Trình tự thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch¹⁸² có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng¹⁸³.

- Trong quá trình thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện¹⁸⁴ có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan¹⁸⁵.

- Kết quả thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng sẽ được Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi bằng văn bản đến Cơ quan tổ chức lập quy hoạch để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung đồ án trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đồ án quy hoạch sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng¹⁸⁶.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹⁸⁷:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

¹⁸² Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao tổ chức lập quy hoạch.

¹⁸³ Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

¹⁸⁴ Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND huyện.

¹⁸⁵ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

¹⁸⁶ Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

¹⁸⁷ Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹⁸⁸: thời gian thẩm định đồ án quy hoạch không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹⁸⁹: Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao tổ chức lập quy hoạch.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định¹⁹⁰: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính¹⁹¹: Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch¹⁹².

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

¹⁸⁸ Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

¹⁸⁹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Xây dựng năm 2014,

¹⁹⁰ Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

¹⁹¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

¹⁹² Quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 29: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã¹⁹³.

- Trong quá trình thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện¹⁹⁴ có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan¹⁹⁵.

- Kết quả thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã sẽ được Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân xã để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung nhiệm vụ trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng¹⁹⁶.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ¹⁹⁷:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;

- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ;

¹⁹³ Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

¹⁹⁴ Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND huyện.

¹⁹⁵ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

¹⁹⁶ Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

¹⁹⁷ Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết¹⁹⁸: Thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính¹⁹⁹: Ủy ban nhân dân xã.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định²⁰⁰: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính²⁰¹: Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch²⁰².

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

¹⁹⁸ Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

¹⁹⁹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Xây dựng năm 2014.

²⁰⁰ Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

²⁰¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

²⁰² Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 30: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã²⁰³. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân xã quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt²⁰⁴.

- Trong quá trình thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện²⁰⁵ có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan²⁰⁶.

- Kết quả thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã sẽ được Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân xã để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng²⁰⁷.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ²⁰⁸:

²⁰³ Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²⁰⁴ Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

²⁰⁵ Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND huyện.

²⁰⁶ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²⁰⁷ Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết²⁰⁹: thời gian thẩm định đồ án quy hoạch không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính²¹⁰: Ủy ban nhân dân xã.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định²¹¹: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính²¹²: Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch²¹³.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

²⁰⁸ Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²⁰⁹ Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

²¹⁰ Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Xây dựng năm 2014.

²¹¹ Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

²¹² Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

²¹³ Quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 31: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập, nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn²¹⁴ (không bao gồm quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn²¹⁵.

- Trong quá trình thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện²¹⁶ có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan²¹⁷.

- Kết quả thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn sẽ được Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân xã để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung nhiệm vụ trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng²¹⁸.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ²¹⁹:

²¹⁴ Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 Luật Xây dựng năm 2014: “*quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm trung tâm xã, khu dân cư, khu chức năng khác trên địa bàn xã*”.

²¹⁵ Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²¹⁶ Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND huyện.

²¹⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²¹⁸ Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết²²⁰: thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính²²¹: Ủy ban nhân dân xã.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định²²²: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính²²³: Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Phí, lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch²²⁴.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;

²¹⁹ Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²²⁰ Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

²²¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Xây dựng năm 2014.

²²² Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

²²³ Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

²²⁴ Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 32: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn²²⁵ (không bao gồm quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2 Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3 Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm trình thẩm định, trình phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn²²⁶.

- Trong quá trình thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện²²⁷ có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan²²⁸.

- Kết quả thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư nông thôn sẽ được Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân xã để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đồ án quy hoạch sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng²²⁹.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ²³⁰:

²²⁵ Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 Luật Xây dựng năm 2014: “*quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm trung tâm xã, khu dân cư, khu chức năng khác trên địa bàn xã*”.

²²⁶ Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²²⁷ Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND huyện.

²²⁸ Theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²²⁹ Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

3.2. *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết²³¹: thời gian thẩm định đồ án quy hoạch không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính²³²: Ủy ban nhân dân xã.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định²³³: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính²³⁴: Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định của Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Phí, lệ phí: Xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch²³⁵.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

²³⁰ Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

²³¹ Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

²³² Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Xây dựng năm 2014.

²³³ Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

²³⁴ Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Xây dựng năm 2014.

²³⁵ Quy định tại Bảng số 11 Phụ lục số 1 Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Không.

Thủ tục 33: Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: UBND cấp huyện.

1.3. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình gửi Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện để thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định, thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định hoặc trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định; Đối với các hồ sơ gửi qua đường bưu điện thuộc các trường hợp trả lại hồ sơ, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

+ Theo yêu cầu riêng của từng dự án, người đề nghị thẩm định phải thực hiện các thủ tục, yêu cầu theo quy định của pháp luật có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án, trình cơ quan chủ trì thẩm định làm cơ sở xem xét, thẩm định, gồm: Văn bản thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao

thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có); Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có); Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; Kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Đối với các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chủ trì thẩm định trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc.

- Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày (kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định) thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm định được yêu cầu người đề nghị thẩm định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định.

- Trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan chủ trì thẩm định ra thông báo kết quả thẩm định.

+ Kết quả thẩm định phải có đánh giá, kết luận về mức đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định quy định tại khoản 3, Điều 57, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14, Điều 1, Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; các yêu cầu đối với người đề nghị thẩm định, người quyết định đầu tư. Kết quả thẩm định được đồng thời gửi cơ quan quản lý xây dựng ở địa phương để biết và quản lý.

+ Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định thực hiện theo quy định tại Mẫu số 02a Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có);

b) Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có);

c) Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

d) Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

đ) Kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3.2. Số lượng: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện được giao thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật (cơ quan chủ trì thẩm định).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện được giao thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật (cơ quan chủ trì thẩm định).

- Cơ quan phối hợp : Cơ quan, đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Thực hiện theo thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng..

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định tham khảo theo quy định tại Mẫu số 02a Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế

- kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

*Mẫu số 02a. Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế
- kỹ thuật đầu tư xây dựng*

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....

....., ngày... tháng.... năm....

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án)

Kính gửi: (Tên đơn vị đề nghị thẩm định).

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng... năm ... của ... đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được gửi kèm theo văn bản yêu cầu thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn xây dựng.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

8. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

9. Đối với trường hợp yêu cầu phải thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định, cơ quan/đơn vị được giao thẩm định kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế *(trường hợp này cơ quan/đơn*

vị được giao thẩm định không thực hiện trực tiếp nội dung quy định tại khoản 5 và khoản 6 của mục này).

V. KẾT LUẬN

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (*Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định*) về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*). Đề nghị đơn vị đề nghị thẩm định nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:...

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH
(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Ghi chú: Mẫu số 02a sử dụng để tham khảo cho việc thẩm định của Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 12 Nghị định này.

Thủ tục 34: Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện: UBND cấp huyện.

1.3. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình gửi Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện để thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

- Đối với trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư: Sau khi có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, chủ đầu tư thực hiện quy trình thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật như sau:

+ Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư xây dựng vượt quá 10% mức quy định được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thì phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh. Quy trình thẩm định điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

+ Trường hợp điều chỉnh không làm tăng tổng mức đầu tư hoặc điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư xây dựng dưới 10% mức quy định được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, việc thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện như đối với thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. Trong đó hồ sơ điều chỉnh bổ sung thêm lý do điều chỉnh và kèm theo hồ sơ trước điều chỉnh, bổ sung để phục vụ đối chiếu theo quy định.

- Đối với trường hợp không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, việc điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được quy định như sau:

+ Đối với các trường hợp điều chỉnh dự án có thay đổi một trong các nội dung về: mục tiêu, quy mô sử dụng đất, quy mô đầu tư xây dựng; chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc của dự án tại quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch có tính

chất kỹ thuật chuyên ngành khác; giải pháp bố trí các công năng chính trong công trình dẫn đến yêu cầu phải đánh giá lại về giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn xây dựng, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của dự án; quy trình điều chỉnh thực hiện như sau: Chủ đầu tư có tờ trình gửi cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh; Cơ quan chủ trì thẩm định xem xét nội dung điều chỉnh, trường hợp nội dung điều chỉnh phù hợp, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh; Người quyết định đầu tư ban hành văn bản cho chủ trương điều chỉnh; Chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, trình cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, tổ chức thẩm định; Cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy trình thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện như đối với thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng); Người quyết định đầu tư ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

+ Đối với các trường hợp chỉ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và không làm thay đổi các nội dung quy định tại điểm a khoản này, quy trình điều chỉnh thực hiện như sau: Chủ đầu tư có tờ trình gửi cơ quan chủ trì thẩm định xem xét, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh; Cơ quan chủ trì thẩm định xem xét nội dung điều chỉnh, trường hợp nội dung điều chỉnh phù hợp, trình người quyết định đầu tư cho chủ trương điều chỉnh; Người quyết định đầu tư ban hành văn bản cho chủ trương điều chỉnh; Chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, tự tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh và chịu trách nhiệm đối với nội dung thực hiện.

Trường hợp khi điều chỉnh, bổ sung thiết kế xây dựng có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình: chủ đầu tư có trách nhiệm trình cơ quan chủ trì thẩm định đối với các nội dung điều chỉnh trước khi phê duyệt điều chỉnh. Quy trình thẩm định được thực hiện như đối với thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. Trong đó hồ sơ điều chỉnh bổ sung thêm lý do điều chỉnh và kèm theo hồ sơ trước điều chỉnh, bổ sung để phục vụ đối chiếu theo quy định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD office).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác (nếu có);

b) Văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có);

c) Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

d) Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

đ) Kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Kết quả thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3.2. *Số lượng*: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện được giao thẩm định báo cáo kinh tế-kỹ thuật (cơ quan chủ trì thẩm định).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện được giao thẩm định báo cáo kinh tế-kỹ thuật (cơ quan chủ trì thẩm định).

- Cơ quan phối hợp : Cơ quan, đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Thực hiện theo thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng..

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định tham khảo theo quy định tại Mẫu số 02a Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

*Mẫu số 02a. Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế
- kỹ thuật đầu tư xây dựng*

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....

..., ngày... tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... *(tên dự án)*

Kính gửi: (Tên đơn vị đề nghị thẩm định).

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng... năm ... của ... đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... *(tên dự án)*.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... *(văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng)*;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, *(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định)* thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... *(tên dự án)* như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được gửi kèm theo văn bản yêu cầu thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.
2. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực.
5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn xây dựng.
6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.
8. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).
9. Đối với trường hợp yêu cầu phải thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định, cơ quan/đơn vị được giao thẩm định kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về

đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế (*trường hợp này cơ quan/đơn vị được giao thẩm định không thực hiện trực tiếp nội dung quy định tại khoản 5 và khoản 6 của mục này*).

V. KẾT LUẬN

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (*Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định*) về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*). Đề nghị đơn vị đề nghị thẩm định nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- ...;
- Lưu:...

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH
(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Ghi chú: Mẫu số 02a sử dụng để tham khảo cho việc thẩm định của Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 12 Nghị định này.

Thủ tục 35: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kiến trúc sư hạng II

1. Trình tự thực hiện:

1.1. Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

1.2. Địa điểm thực hiện:

- Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa (số 36 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa): đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng.

- Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa (Số 47 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa): Đối với viên chức làm việc tại Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư; tự đảm bảo chi thường xuyên.

1.3. Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, các đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức tổng hợp nhu cầu, chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi Sở Nội vụ;

* Bước 3: Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức, Sở Nội vụ dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

Nội dung Đề án gồm:

- Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn

vị sự nghiệp công lập; số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP);

- Danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP);

- Dự kiến thành viên tham gia Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Dự kiến thời gian, địa điểm và các nội dung khác để tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

* Bước 4: Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, Sở Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

* Bước 5: Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Các ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quyết định, trong đó có 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thành lập Tổ thư ký giúp việc;

+ Tổ chức xét hồ sơ, kiểm tra, sát hạch theo quy chế;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thành lập Tổ thư ký giúp việc;

+ Tổ chức xét hồ sơ theo quy chế;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng phê duyệt danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gồm: Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký. Ban Giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Nội dung giám sát gồm: Việc thực hiện các quy định của pháp luật về kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; về thực hiện quy chế và nội quy; về thực hiện chức trách nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng và các thành viên tham gia các bộ phận giúp việc của Hội đồng

*** Bước 6: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

Ban thẩm định hồ sơ tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cụ thể:

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

*** Bước 7: Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

*** Bước 8: Phê duyệt, thông báo kết quả xét thăng hạng**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

* Bước 9: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ

* *Hồ sơ đơn vị sự nghiệp công lập gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức gồm:*

- Báo cáo số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có và đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp của từng chức danh viên chức theo năm theo Mẫu số 05 kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

** Hồ sơ xét thăng hạng của viên chức gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao các văn bản: Quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; quyết định nâng bậc lương gần nhất; quyết định công nhận sáng kiến; quyết định (hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền) phân công chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thực hiện nhiệm vụ (không bao gồm việc tham gia góp ý dự thảo, mời làm chuyên gia và đóng góp ý kiến trong các hội nghị, hội thảo).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

**) Đối với viên chức làm việc tại Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh công nhận kết quả thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương viên chức.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện lập danh sách;

+ Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh tổng hợp chỉ tiêu.

+ Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III đến hạng II (xếp lương loại A2).

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

**) Đối với viên chức làm việc tại Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư; tự đảm bảo chi thường xuyên:*

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện công nhận kết quả xét tuyển thăng hạng đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

+ Cơ quan thực hiện TTHC: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện.

+ Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn

vị sự nghiệp công lập; số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo Mẫu số 05 kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

- Danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo Mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Về tiêu chuẩn chung

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

b) Về tiêu chuẩn cụ thể

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có trình độ đại học chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch xây dựng trở lên phù hợp với phạm vi thực hiện nhiệm vụ;

+ Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kiến trúc sư hạng II.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước về kiến trúc, quy hoạch xây dựng; nắm vững định hướng, nhiệm vụ phát triển kiến trúc, quy hoạch của ngành;

+ Am hiểu các thông tin kinh tế - kỹ thuật trong và ngoài nước, am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; nắm chắc và kịp thời các thành tựu và xu hướng phát triển trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch xây dựng, những tiến bộ về kiến trúc, quy hoạch quan trọng trong và ngoài nước;

+ Có kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm về hoạt động kiến trúc, quy hoạch xây dựng và những kiến thức cơ bản của một số chuyên ngành kỹ thuật liên quan;

+ Có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực;

+ Đã chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành hoặc là người tham gia chính của ít nhất một trong những đồ án dưới đây:

* (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh;

* (hai) đồ án quy hoạch vùng tỉnh;

* (ba) đồ án quy hoạch vùng liên huyện;

* (bốn) đồ án quy hoạch vùng huyện;

* (năm) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù.

Hoặc đã chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế hoặc là người tham gia chính của ít nhất 02 (hai) công trình cấp I hoặc 03 (ba) công trình cấp II.

Hoặc đã chủ trì (hoặc là người tham gia chính) ít nhất 01 đề tài khoa học và công nghệ hoặc 01 dự án sự nghiệp cấp quốc gia (hoặc chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ

khoa học và công nghệ hoặc 02 dự án sự nghiệp cấp bộ, cấp tỉnh) trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

- Đáp ứng đủ các yêu cầu khác do Bộ Xây dựng quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15/10/2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư liên tịch số 11/2016/TT-BXD-BNV ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức ngành Xây dựng;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có.

TÊN BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ
SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												
	...												

....., ngàytháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG, BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG:.....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện có	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngàytháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG, BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

(Ký tên, đóng dấu)